

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 6 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Tâm;
2. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chí Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019; tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2019; về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1978 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Ấp B, xã Ph, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Diễm Tr, sinh năm: 1982 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Ấp B, xã Ph, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Lê Thị Diễm Tr sau thời gian quen biết, tự tìm hiểu tiến đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp; việc kết hôn là tự nguyện, không bị cưỡng ép, lừa dối. Thời gian đầu chung sống với nhau anh chị có cuộc sống hạnh phúc; nhưng sau đó anh nhiều lần phát hiện chị Tr giấu anh vay tiền cho cha mẹ của chị Tr; anh đã khuyên chị Tr thay đổi nhưng không được; đến nay cha mẹ chị Tr còn thiếu ngân hàng số tiền khoảng 95.000.000đ do chị Tr đứng tên vay đến nay chưa trả, nên

Ngân hàng có đến yêu cầu gia đình anh trả nợ. Từ đó anh chị phát sinh mâu thuẫn và anh không còn tin tưởng chị Tr nữa; nên anh chị sống ly thân với nhau từ tháng 11/2018 đến nay không hàn gắn tình cảm lại được; hiện chị Tr sinh sống nhà cha mẹ ruột tại ấp C, xã Ph, huyện Th. Hiện nay, anh không còn tình cảm với chị Tr, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tr theo quy định.

Về con chung: Anh và chị Tr có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 21/9/2015; sau khi ly thân, cháu T do chị Tr chăm sóc nuôi dưỡng, nhưng anh cũng tới lui đưa rước cháu đi học mẫu giáo và rước cháu về nhà chơi; thời gian khoảng 02 tháng gần đây, thì cháu T ở luôn với chị Tr. Anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T, đến khi cháu T đủ 18 tuổi, anh không có yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp - hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Lê Thị Diễm Tr trình bày:* Chị và anh H quen biết, tự tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp; việc kết hôn là tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Thời gian anh chị chung sống với nhau có hạnh phúc; chị thừa nhận có giấu anh H vay tiền cho cha mẹ ruột; sau khi anh H biết thì chị đã nhận lỗi với anh H và hứa sửa đổi, nhưng anh H không thông cảm, bỏ qua cho chị. Đến tháng 11/2018, gia đình anh H yêu cầu chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống và anh chị sống ly thân đến nay; trong thời gian ly thân chị nhiều lần hàn gắn, nhưng anh H không thống nhất. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị thống nhất ly hôn với anh H theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 21/9/2015; hiện nay cháu T đang sống với chị; chị không thống nhất giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng; chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, đến khi cháu T đủ 18 tuổi, chị không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị thống nhất thỏa thuận với anh H, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Diễm Tr làm phát sinh “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật; về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh H và chị Tr được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối; anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa hôm nay

anh H yêu cầu ly hôn với chị Tr, chị Tr thống nhất ly hôn với anh H; do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị Tr là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải việc ly hôn*”.

[3] Về con chung: Anh H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T, đến khi cháu T đủ 18 tuổi, anh không có yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Chị Tr không thống nhất yêu cầu của anh H; chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến khi cháu T đủ 18 tuổi, chị không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay chị Tr đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; chị Tr đã làm tròn nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu T; hiện nay chị Tr đang có thu nhập ổn định đủ để nuôi dưỡng cháu T. Mặt khác, cháu T đang dưới 07 tuổi, nếu để cho chị Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng thì sẽ bảo đảm sự phát triển ổn định cho cháu, vì độ tuổi của cháu T (chưa tròn 04 tuổi) còn nhỏ, rất cần sự quản lý, chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ. Đồng thời, hiện nay chị Tr cũng đảm bảo về thời gian chăm sóc cho cháu T; trong khi anh H thì hạn chế về mặt thời gian chăm sóc con; bởi hiện nay, anh H là Công chức đang công tác tại Ban chỉ huy quân sự xã Ph, huyện Th ngoài thời gian trực hành chính hàng ngày, anh H còn phải tham gia trực đêm (mỗi tuần 02 đêm) theo quy định của đơn vị. Như vậy, về mặt thời gian là anh H chưa đảm bảo cho việc quản lý, chăm sóc cháu T trong thời điểm hiện nay khi cháu đang còn nhỏ; do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh H, về việc yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, giao cho chị Tr được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T, đến khi cháu T đủ 18 tuổi; anh H khỏi phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Tr không có yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị Tr không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị Tr; không chấp nhận yêu cầu của anh H, về việc được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao cho chị Tr được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến khi cháu T đủ 18 tuổi; anh H khỏi phải cấp dưỡng nuôi con do chị Tr không có yêu cầu.

Anh H phải chịu án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H đối với chị Lê Thị Diễm Tr.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị Diễm Tr.

- Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh H, về việc yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T, đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Giao cho chị Tr được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 21/9/2015, đến khi cháu T đủ 18 tuổi; anh H khỏi phải cấp dưỡng nuôi con do chị Tr không có yêu cầu.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị Tr không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004565 ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Lê Thị Diễm Tr không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- UBND xã Ph;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng và hồ sơ vụ án.

Phạm Thành Triều